

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành Công nghệ thông tin, chuyên ngành Tin ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- + Tiếng Việt: Nguyên lý kế toán
- + Tiếng Anh: Accounting Theory
- Mã học phần: DKT.01.20
- Số tín chỉ: 3

Hoạt động trên lớp			Hoạt động khác
Lí thuyết (LT)	Bài tập, Kiểm tra (BT, KT)	Thực hành, Thảo luận (TH, TL)	<i>(tự học, làm bài tập, nghiên cứu, trải nghiệm,...)</i>
30	12 (9 tiết BT, 3 tiết KT)	6	102 giờ
48 tiết Bao gồm: 48 tiết trực tiếp.			

(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, Bài tập, Kiểm tra hoặc 2 tiết Thực hành, Thảo luận trên lớp)

- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Viện Kế toán – Kiểm toán
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: ThS. Nguyễn Minh Ánh
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0355.412.727;
Email: nguyenminhanhk54@gmail.com
 - 2) Họ và tên: ThS. Vũ Thị Thanh Ngọc
Chức danh: Giảng viên

2. Các học phần tiên quyết

Các học phần tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ (DTN.02.07)

3. Mục tiêu của học phần

3.1 Mục tiêu chung

Trang bị cho người học nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp người học thuộc ngành Công nghệ thông tin đạt hiểu biết chung về hệ thống kế toán, quy trình hoạt động kế toán. Từ đó, người học có thể phối hợp hoạt động trên hệ thống thông tin của doanh nghiệp, đồng thời nhận định tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức: Trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán, giúp người học tiếp tục học tập, nghiên cứu về kế toán chuyên ngành.

- + Người học nắm được bản chất chức năng và đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ của kế toán.
- + Người học nắm vững hệ thống các phương pháp kế toán, từ đó vận dụng vào nghiệp vụ kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu để ghi sổ sách kế toán.

b) Về kỹ năng

- + Hình thành và phát triển năng lực thu nhận, xử lý, hệ thống hóa, lập báo cáo và phân tích khái quát hoạt động kinh tế tài chính của một đơn vị.
- + Thực hiện được định khoản và ghi chép vào tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- + Ghi được các nghiệp vụ phát sinh vào sổ kế toán theo các hình thức kế toán phù hợp.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên nhận thức rõ nguyên tắc kế toán, có khả năng đưa ra kết luận chuyên môn; khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

CLO 1.1: Vận dụng được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán, hệ thống các phương pháp kế toán, quy trình lập, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán; hệ thống pháp lý kế toán và tổ chức công tác kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng

CLO 2.1: Nắm vững được các phương pháp kế toán để hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh thương mại và các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh cơ bản trong doanh nghiệp.

CLO 2.2: Giải quyết được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán trên báo cáo tài chính, mối liên hệ giữa các phương pháp kế toán với quy trình kế toán và sự khác nhau trong hệ thống các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CLO 3.1: Phân biệt kiến thức qua các chương, liên kết các phần học để trở thành 1 khối kiến thức thống nhất phục vụ mục đích chung ban đầu.

❖ *Ghi chú*: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của CTĐT (PLO/PIs)

	CLOs	PLO	PLO3.2	
		PIs	PI 1.2-1	PI 3.2-1
1	CLO 1.1: Vận dụng được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán, hệ thống các phương pháp kế toán, quy trình lập, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán; hệ thống pháp lý kế toán và tổ chức công tác kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.	H,A		
3	CLO 2.1: Nắm vững được các phương pháp kế toán để hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh thương mại và các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh cơ bản trong doanh nghiệp.	H,A		
	CLO 2.2: Giải quyết được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán trên báo cáo tài chính, mối liên hệ giữa các phương pháp kế toán với quy trình kế toán và sự khác nhau trong hệ thống các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.			
5	CLO 3.1: Phân biệt kiến thức qua các chương, liên kết các phần học để trở thành 1 khối kiến thức thống nhất phục vụ mục đích chung ban đầu.		M	M
	Tổng hợp toàn bộ học phần	H,A	M	M

➤ Ghi chú:

- Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

+ L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

+ M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

+ H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

- Các mức độ L, M, H phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (mức L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (mức H).

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

7. Tài liệu học tập

7.1. Giáo trình chính

Giáo trình Nguyên lý kế toán – Học viện tài chính - NXB Tài chính 2019

7.2. Sách tham khảo

- [1]. Các văn bản pháp quy về kế toán: Luật kế toán 2003, Chuẩn mực kế toán.
- [2]. Các tài liệu tham khảo liên quan đến kế toán: Lý thuyết hạch toán kế toán, Nguyên lý kế toán của các trường đại học.

8. Nội dung học phần

8.1 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 2 nội dung chính: lý luận cơ bản của khoa học kế toán như bản chất của kế toán, đối tượng, hệ thống các phương pháp kế toán; vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học kế toán trong 1 loại hình đơn vị cụ thể - doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Chương 1: Tổng quan về kế toán

Chương 2: Các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính

Chương 3: Phương pháp kế toán

Chương 4: Sổ kế toán và hình thức kế toán

Chương 5: Hệ thống pháp lý kế toán

Chương 6: Tổ chức công tác kế toán

8.2 Ma trận phù hợp giữa các Chương của học phần với CDR học phần (CLO)

STT	Chương	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 3.1
1	Chương 1: Tổng quan về kế toán	P	P	P	P

2	Chương 2: Các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính	P	P	P	P
3	Chương 3: Phương pháp kế toán	P	P	P	P
4	Chương 4: Sổ kế toán và hình thức kế toán	P	P	P	P
5	Chương 5: Hệ thống pháp lý kế toán	P	P	P	P
6	Chương 6: Tổ chức công tác kế toán	P	P	P	P

❖ **Ghi chú:** I: Introduction= Giới thiệu

P: Proficient=Thuần thục, đủ

A: Advanced= Nâng cao

9. Kế hoạch giảng dạy:

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT	KT, BT	TL, TH		
Bài 1	Chương 1. Tổng quan chung về kế toán 1.1 – Sự hình thành và phát triển của kế toán 1.2 – Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán	2		1	CLO1.1	Nghiên cứu mục 1.1 và 1.2 chương 1 giáo trình (6 tiết)
Bài 2	Chương 1. 1.3 – Đối tượng sử dụng thông tin kế toán 1.4 và mục 1.5 (giảng khái quát)	2		1	CLO1.1	Nghiên cứu mục 1.3 -1.5 chương 1 giáo trình và chuẩn bị bài tập mục 1.2 (6 tiết)
Bài 3	Chương 2: Các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính. 2.1 (giảng khái quát) 2.2 Các yếu tố của BCTC	3			CLO2.2	Sinh viên đọc trước giáo trình chương 2 mục 2.1 và 2.2 (6 tiết)
Bài 4	Chương 2. 2.3 Ảnh hưởng của các nghiệp vụ KTTC đến các yếu tố của BCTC	1		2	CLO2.2	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà (6 tiết)
Bài 5	Chương 3. Các phương pháp kế toán 3.1. Hệ thống các phương pháp kế toán 3.2. Phương pháp chứng từ kế toán 3.3. Phương pháp tính giá	3			CLO1.1	SV đọc trước giáo trình mục 3.1-3.3 chương 3 (6 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT	KT, BT	TL, TH		
Bài 6	Chương 3. Các phương pháp kế toán 3.4 – Phương pháp tài khoản kế toán	3			CLO1.1	Sinh viên chuẩn bị mục 3.4 chương 3 theo giáo trình (6 tiết)
Bài 7	Chương 3. Các phương pháp kế toán 3.5 – Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán	3			CLO1.1	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà mục 3.4 và đọc trước mục 3.5 (6 tiết)
Bài 8	Chương 3. Các phương pháp kế toán 3.6 – Vận dụng hệ thống các PPKT để hạch toán kế toán các quá trình SXKD	2	1			SV đọc trước giáo trình mục 3.6 chương 3 (6 tiết)
Bài 9	Chữa bài tập	3			CLO1.1	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà
Bài 10	Kiểm tra định kỳ	3			CLO1.1	SV ôn tập để kiểm tra (6 tiết)
Bài 11	Chương 4. Sổ kế toán và hình thức kế toán. 4.1 Sổ kế toán		3		CLO1.1	Sinh viên tự ôn tập (7 tiết)
Bài 12	Chương 4. 4.2 – Hình thức kế toán	2	1		CLO1.1	SV tự nghiên cứu đọc giáo trình mục 4.2 chương 4 (7 tiết)
Bài 13	Chữa bài tập			3	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà (7 tiết)
Bài 14	Kiểm tra định kỳ	2	1		CLO1.1	SV ôn tập để kiểm tra (7 tiết)
Bài 15	Chương 5. Hệ thống pháp lý kế toán 5.1 ; 5.2 ; 5.3 ; 5.4 (giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)	2	1		CLO1.1	SV đọc giáo trình mục 5.1-5.4 chương 5 tự nghiên cứu (7 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
		LT	KT, BT	TL, TH		
Bài 16	Chương 6. Tổ chức công tác kế toán 6.1 ; 6.2 ; 6.3 (giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu) Tổng kết học phần		3		CLO1.1	SV đọc trước giáo trình mục 6.1-6.3 chương 6 tự nghiên cứu (7 tiết)
	Tổng cộng	30	12	6		102

10. Phương pháp dạy học

10.1. Các phương pháp dạy học được sử dụng

STT	Phương pháp dạy học	Lựa chọn
1	Thuyết trình	x
2	Dạy học theo nhóm: Làm bài tập	x
3	Hướng dẫn tự học	x

10.2. Ma trận phù hợp giữa phương pháp dạy học với CLO

STT	Phương pháp dạy học	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.1	CLO 3.1
1	Thuyết trình	x	x	x	
2	Dạy học theo nhóm: Làm bài tập	x	x	x	
3	Hướng dẫn tự học	x			x

11. Đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức đánh giá

11.1.1. Các phương pháp đánh giá

1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

a) Vấn đáp: Theo câu hỏi, theo Bài tập lớn.

b) Viết: Tự luận, trắc nghiệm, bài tập lớn.

11.1.2. Các hình thức đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập lớn)

b) Đánh giá định kỳ (3 bài kiểm tra 01 tiết tự luận)

c) Đánh giá tổng kết: Thi kết thúc học phần tự luận 90 phút.

11.2. Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric		
01 bài kiểm tra tự luận 1 tiết giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO1.1	100%
01 bài kiểm tra tự luận 1 tiết cuối kỳ		Tự luận	Rubric	CLO1.1	100%
01 đánh giá theo bài thực hành		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ làm việc trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1	40% 40% 20%
Bài thi hết học phần tự luận 90 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1	100%

11.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết HP

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. - Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. - Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. - Trình bày không rõ ý, chưa logic. - Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). 	Mức C (Đạt)	55 - 69

– Nhiều lỗi chính tả.		
– Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. – Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. – Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. – Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Nhiều lỗi chính tả.	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 – 54
– Các trường hợp còn lại	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

11.3.2 Các Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
– Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của đề bài – Lập được các chứng từ kế toán – Vào được các sổ sách kế toán như Bảng CĐTK, BCĐKT, BCKQ HĐKD. – Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
– Thực hiện đủ các yêu cầu của đề bài – Lập được các chứng từ kế toán – Vào được các sổ sách kế toán như Bảng CĐTK, BCĐKT, BCKQ HĐKD. – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của Giảng viên.	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
– Thực hiện hầu hết yêu cầu của đề bài – Lập được các chứng từ kế toán – Vào được các sổ sách kế toán như Bảng CĐTK, BCĐKT, BCKQ HĐKD. – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV.	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
– Thực hiện được ít yêu cầu của đề bài – Chưa lập được các chứng từ kế toán – Chưa lên được các sổ sách kế toán như Bảng CĐTK, BCĐKT, BCKQ HĐKD. – Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV.	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

11.3.3 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
– Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết học – Tham gia tích cực thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học – Có tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học – Ít tham gia thảo luận trên lớp	Mức C	5,5 - 6,9

– Ý thức, thái độ học tập chưa cao	(Đạt, song cần cải thiện)	
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học – Không tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Giảng đường: Theo bố trí của PQLĐT.
- Danh mục trang thiết bị: Projector, Micro; giáo trình và dụng cụ học tập.

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng

Viện trưởng

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương

PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

TS. Hoàng Văn Tường

TS. Hoàng Văn Tường

Nguyễn Minh Ánh